

QUYẾT ĐỊNH
Về việc Ban hành Quy chế Chuyển nhượng cổ phần
Ngân hàng TMCP Việt Á

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP VIỆT Á

- Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng số 47/2010/QH12 ngày 16/06/2010;
- Căn cứ Nghị định số 59/2009/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2009 về tổ chức và hoạt động của ngân hàng thương mại;
- Căn cứ thông tư 06/2010/TT-NHNN ngày 26 tháng 02 năm 2010 hướng dẫn về tổ chức, quản trị, điều hành, vốn điều lệ, chuyển nhượng cổ phần, bổ sung, sửa đổi giấy phép, điều lệ của ngân hàng thương mại;
- Căn cứ công văn số 324/NHNN-TTGSNH ngày 18 tháng 01 năm 2012 về chấp thuận dự kiến nhân sự TCTD, chi nhánh ngân hàng nước ngoài;
- Căn cứ Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á được Đại Hội đồng cổ đông thông qua tháng 5/2012 và Đăng ký Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á tại công văn số 1864/TTGSNH6 ngày 31 tháng 7 năm 2012;
- Căn cứ Quyết nghị số 10 – Biên bản họp HĐQT ngày 20/10/2012, về việc sửa đổi, bổ sung các Quy chế, Quy định thuộc thẩm quyền của HĐQT.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng TMCP Việt Á.

Điều 2. Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng HĐQT, Ban TGD, các Trưởng phòng ban Hội sở, Giám đốc các SGD, Chi nhánh, và các Bộ phận trong toàn hệ thống Ngân hàng TMCP Việt Á có trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi gửi:

- TV HĐQT, BKS (để b/c);
- Như Điều 3 (Để thực hiện);
- PHCQT (để t/báo S_Office);
- Lưu VP HĐQT.



Phương Hữu Việt

QUY CHẾ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ/HĐQT ngày / /201 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á)

CHƯƠNG I - QUY ĐỊNH CHUNG

ĐIỀU 1. MỤC ĐÍCH VÀ PHẠM VI ÁP DỤNG:

1. Quy chế này ban hành nhằm mục đích hướng dẫn chi tiết về việc chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng TMCP Việt Á.
2. Phạm vi áp dụng: Quy chế này áp dụng cho tất cả các đối tượng đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật và Ngân hàng TMCP Việt Á, có nhu cầu chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng cổ phần Ngân hàng TMCP Việt Á. Riêng đối với các đối tượng nhận chuyển nhượng là đơn vị nước ngoài hoặc cá nhân là người nước ngoài việc nhận chuyển nhượng cổ phần chỉ được tiến hành khi có sự cho phép của Ngân hàng Nhà nước.

ĐIỀU 2. CÁC ĐỊNH NGHĨA:

1. Trong Quy chế này, những thuật ngữ sau đây sẽ có nghĩa như sau:
 - a. Vốn điều lệ: là vốn đã được các Cổ đông thực góp và được ghi trong Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á.
 - b. Pháp luật có nghĩa là tất cả các luật, pháp lệnh, nghị định, quy định, thông tư, quyết định và các văn bản pháp luật khác được các cơ quan Nhà nước Việt Nam ban hành theo từng thời kỳ liên quan đến các hoạt động Ngân hàng.
 - c. NHNN: có nghĩa là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
 - d. Cổ phần: là Vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á được chia thành các phần bằng nhau, mỗi phần có giá trị 10.000 đồng.
 - e. Cổ phiếu là chứng chỉ do Ngân hàng TMCP Việt Á phát hành hoặc bút toán ghi sổ xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của Ngân hàng TMCP Việt Á. Cổ phiếu của Ngân hàng TMCP Việt Á có thể là cổ phiếu ghi danh hay cổ phiếu không ghi danh theo quy định trong Điều lệ Ngân hàng TMCP Việt Á.
 - f. Cổ đông: là pháp nhân hoặc thể nhân sở hữu ít nhất một cổ phần đã phát hành của Ngân hàng TMCP Việt Á.
 - g. Cổ đông lớn: là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% (năm phần trăm) vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của Ngân hàng TMCP Việt Á.
 - h. Sổ đăng ký cổ đông: là một tài liệu bằng văn bản, tệp dữ liệu điện tử hoặc cả hai. Sổ đăng ký cổ đông phải có các nội dung chủ yếu theo quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.
2. Trong quy chế này, bất kỳ dẫn chiếu nào với bất cứ quy định hoặc văn bản pháp luật nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản pháp luật thay thế chúng.

ĐIỀU 3. TRÁCH NHIỆM:

1. Văn phòng Hội đồng quản trị có trách nhiệm kiểm soát và duy trì việc thực hiện quy chế này.
2. Các chức danh được quy định trách nhiệm trong quy chế này đảm bảo họ thực hiện theo đúng các quy định trách nhiệm đó.

CHƯƠNG II - NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

ĐIỀU 4. ĐIỀU KIỆN CHUYỂN NHƯỢNG:

1. Giới hạn sở hữu cổ phần:
 - 1.1. Một cổ đông là cá nhân không được sở hữu vượt quá 5% vốn Điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á.
 - 1.2. Một cổ đông là tổ chức không được sở hữu vượt quá 15% vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á trừ những trường hợp sau đây:
 - a/ Sở hữu cổ phần theo quy định tại khoản 3 Điều 149 của Luật Các tổ chức tín dụng để xử lý Ngân hàng TMCP Việt Á gặp khó khăn, bảo đảm an toàn hệ thống tổ chức tín dụng.
 - b/ Sở hữu cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài theo quy định của pháp luật.
 - 1.3. Cổ đông và người có liên quan của cổ đông đó không được sở hữu vượt quá 20% vốn điều lệ của Ngân hàng TMCP Việt Á.
 - 1.4. Tỷ lệ sở hữu quy định tại các khoản 1, 2 và 3 tại điều này bao gồm cả phần vốn ủy thác cho tổ chức, cá nhân khác mua cổ phần.
 - 1.5. Trường hợp các tổ chức, cá nhân nắm giữ trái phiếu chuyển đổi, sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu phải tuân thủ giới hạn sở hữu cổ phần quy định tại Điều này.
2. Hạn chế chuyển nhượng cổ phần:
 - 2.1. Cổ đông là cá nhân, cổ đông là tổ chức có người đại diện là thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc của Ngân hàng TMCP Việt Á không được chuyển nhượng cổ phần của mình trong thời gian đảm nhiệm chức vụ.
 - 2.2. Trong thời gian đang xử lý hậu quả theo nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông hoặc theo quyết định của NHNN do trách nhiệm cá nhân, thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng giám đốc không được chuyển nhượng cổ phần, trừ một trong các trường hợp sau đây:
 - a/ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc là đại diện theo ủy quyền của Cổ đông tổ chức bị sáp nhập, hợp nhất, chia tách, giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật.
 - b/ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc bị buộc chuyển nhượng cổ phần theo quyết định của Tòa án.

- c/ Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát, Tổng Giám đốc chuyên nhượng cổ phần cho các nhà đầu tư khác nhằm thực hiện việc sáp nhập, hợp nhất bắt buộc theo quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật Các tổ chức tín dụng.
- 2.3. Trường hợp chuyên nhượng cổ phần của Cổ đông lớn, chuyên nhượng cổ phần dẫn đến Cổ đông lớn trở thành Cổ đông thường và ngược lại phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước trước khi chuyên nhượng.
3. Điều kiện chuyên nhượng cổ phần:
- 3.1. Người chuyên nhượng là chủ sở hữu hợp pháp của số cổ phần chuyên nhượng;
- 3.2. Cổ phiếu chuyên nhượng không bị cầm cố, thế chấp hay bị phong tỏa để thực hiện nghĩa vụ đối với bên thứ 3 bất kỳ.
- 3.3. Người chuyên nhượng, nhận chuyên nhượng không vi phạm Khoản 1, 2 điều 4 về giới hạn sở hữu cổ phiếu và chuyên nhượng cổ phiếu;
- 3.4. Trong trường hợp một cổ đông bị chết, việc giải quyết quyền lợi, trách nhiệm của cổ đông được thực hiện theo quy định của pháp luật về thừa kế.

ĐIỀU 5. THỦ TỤC CHUYÊN NHƯỢNG

1. Cả hai bên chuyên nhượng và nhận chuyên nhượng hoặc người đại diện được ủy quyền hợp pháp của hai bên phải cùng đến làm thủ tục chuyên nhượng. Trường hợp một bên vắng mặt phải có giấy ủy quyền của người vắng mặt, có xác nhận của Chính quyền, chữ ký trên giấy ủy quyền khớp đúng với chữ ký trên hồ sơ chuyên nhượng.
2. Hồ sơ Bên chuyên nhượng gồm có (Thông tư 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010):
- 2.1. Đối với thể nhân:
- 2 đơn xin chuyên nhượng cổ phần (Mẫu CN001);
 - Bản chính cổ phiếu hợp lệ đang sở hữu.
- 2.2. Đối với pháp nhân:
- 2 đơn xin chuyên nhượng cổ phần (Mẫu CN001) kèm theo văn bản chấp thuận của HĐQT hoặc cơ quan chủ quản của pháp nhân (theo quy định tại Điều lệ của pháp nhân bên chuyên nhượng);
 - Bản sao Điều lệ của pháp nhân chuyên nhượng;
 - Bản chính cổ phiếu hợp lệ đang sở hữu.
3. Hồ sơ Bên nhận chuyên nhượng:
- 3.1. Đối với thể nhân:
- 2 đơn xin nhận chuyên nhượng cổ phần (Mẫu CN002);
 - Bản sao CMND;
 - Bảng kê khai người có liên quan theo (Mẫu CN007).
- 3.2. Đối với pháp nhân:
- Hồ sơ phải được lập thành 2 bộ, bao gồm:

- Đơn xin nhận chuyển nhượng cổ phần (mẫu CN004);
- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- Điều lệ hợp pháp của doanh nghiệp;
- Đối với DNNN, Công ty cổ phần, Công ty TNHH, XNLD phải có văn bản chấp thuận của HĐQT hoặc cơ quan chủ quản về việc quyết định mua cổ phần và cử người đại diện vốn tại Ngân hàng TMCP Việt Á;
- Bảng tổng kết tài sản hoặc bảng cân đối tài khoản đến thời điểm gần nhất;
- Bảng kê khai số tiền mua cổ phần, hùn vốn liên doanh với các doanh nghiệp, các tổ chức tín dụng khác và chức vụ tại các tổ chức đó của người đại diện pháp nhân;
- Bảng kê khai người có liên quan (Mẫu CN007);
- Trường hợp tổ chức nhận chuyển nhượng đang sở hữu hoặc dự kiến sở hữu từ 5% vốn điều lệ hiện hữu của Ngân hàng TMCP Việt Á trở lên, phải gửi kèm báo cáo tài chính của năm liền kề năm mua cổ phần (Đối với tổ chức là doanh nghiệp phải là báo cáo đã được kiểm toán theo qui định hiện hành); và phải được sự chấp thuận bằng văn bản của Ngân hàng Nhà nước trước khi chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng.
- Trường hợp bên nhận chuyển nhượng là tổ chức, cá nhân nước ngoài thì ngoài các hồ sơ trên, bên chuyển nhượng phải có văn bản gửi Ngân hàng TMCP Việt Á, để Ngân hàng TMCP Việt Á tiến hành thủ tục theo qui định tại thông tư số 06/2010/TT-NHNN ngày 26/02/2010 xin phép NHNN xét duyệt trước khi thực hiện chuyển nhượng.

ĐIỀU 6. XỬ LÝ HỒ SƠ CHUYỂN NHƯỢNG CỔ PHẦN

1. Văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng và nhận chuyển nhượng cổ phần của cổ đông. Sau khi xem xét đủ điều kiện chuyển nhượng tại Điều 4 thì tiếp nhận hồ sơ chuyển nhượng và lập giấy biên nhận (Mẫu CN003) cho cổ đông.
2. Xử lý hồ sơ chuyển nhượng:
 - Đối với cổ phiếu chuyển nhượng toàn bộ số cổ phần ghi trên cổ phiếu thì thực hiện thu hồi cổ phiếu chuyển nhượng và phát hành chứng chỉ cổ phiếu mới cho bên nhận chuyển nhượng;
 - Đối với cổ phiếu chỉ chuyển nhượng một phần hoặc chuyển nhượng cho nhiều người thì người xử lý hồ sơ phải thu hồi cổ phiếu cũ và in tách rời cổ phiếu theo số lượng cổ phần thực tế chuyển nhượng cho từng người;
 - Văn phòng HĐQT tổng hợp danh sách các hồ sơ chuyển nhượng theo mẫu Danh sách chuyển nhượng cổ phần – CN005 để trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt. Chánh văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm kiểm tra toàn diện hồ sơ chuyển nhượng lần cuối cùng, chỉnh sửa các sai sót (nếu có) trước khi trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt;
 - Sau khi Chủ tịch HĐQT phê duyệt danh sách chuyển nhượng, Văn phòng HĐQT phải cập nhật dữ liệu vào sổ đăng ký cổ đông (mẫu ĐKCD) trước khi hoàn trả cổ phiếu cho cổ đông;

- Văn phòng HĐQT phải lưu tất cả hồ sơ gốc liên quan đến việc chuyển nhượng cổ phần đã xử lý hoàn tất. Việc chuyển nhượng cổ phần được coi là hoàn tất sau khi người mua thanh toán đủ tiền mua và những thông tin về người mua được ghi đúng, ghi đủ vào sổ đăng ký Cổ đông, kể từ thời điểm đó, người mua/nhận chuyển nhượng cổ phần trở thành cổ đông của VietABank.

ĐIỀU 7: XỬ LÝ HỒ SƠ XIN CẤP LẠI CỔ PHIẾU

1. Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được đề nghị Ngân hàng TMCP Việt Á cấp lại cổ phiếu;
2. Văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm tiếp nhận hồ sơ xin cấp lại cổ phiếu của cổ đông;
3. Hồ sơ xin cấp lại phải có các giấy tờ sau:
 - a. Đơn báo mất cổ phiếu có xác nhận của cơ quan công an nơi đăng ký thường trú, tạm trú.
 - b. Đơn xin cấp lại cổ phiếu của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau:
 - Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác, trường hợp bị mất thì cam đoan rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả Ngân hàng TMCP Việt Á để tiêu hủy.
 - Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.
4. Đối với chứng chỉ cổ phiếu có giá trị danh nghĩa trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, Ngân hàng TMCP Việt Á có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo trên báo chí có phạm vi toàn quốc 03 số liên tiếp về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác. Sau 15 ngày kể từ ngày đăng thông báo, cổ đông bị mất cổ phiếu đề nghị bằng văn bản yêu cầu Ngân hàng TMCP Việt Á cấp cổ phiếu mới.
5. Quy trình cấp lại cổ phiếu:
 - Đối với cổ phiếu cấp lại, Văn phòng HĐQT phải kiểm tra số lượng cổ phần đã phát hành cho cổ đông đó từng năm và khi tiến hành cấp lại cổ phiếu phải theo số lượng đã phát hành tương ứng theo thời gian cho cổ đông.
 - Khi xử lý hồ sơ chuyển nhượng của cổ đông sở hữu cổ phiếu cấp lại **phải kiểm tra lại số lượng cổ phiếu cấp lại** (xem hồ sơ xin cấp lại cổ phiếu) thu hồi cổ phiếu cấp lại cũ và in tách rời cổ phiếu theo số lượng cổ phần thực tế chuyển nhượng cho từng người.
 - Không được in tách rời cổ phiếu thành nhiều tờ có số lượng cổ phần nhỏ.
 - Văn phòng HĐQT tổng hợp danh sách các hồ sơ cổ phiếu xin cấp lại theo mẫu Danh sách xin cấp lại cổ phiếu để trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
 - Chánh văn phòng HĐQT chịu trách nhiệm kiểm tra toàn diện hồ sơ xin cấp lại cổ phiếu lần cuối cùng, chỉnh sửa các sai sót (nếu có). Sau đó trình Chủ tịch HĐQT phê duyệt.
 - Thời gian xử lý hồ sơ xin cấp lại cổ phiếu là ngày làm việc kể từ khi nhận đầy đủ hồ sơ xin cấp lại cổ phiếu.

CHƯƠNG III - ĐIỀU KHOẢN KHÁC

ĐIỀU 8: CÁC BIỂU MẪU SỬ DỤNG

- Đơn xin chuyển nhượng cổ phần – Mẫu CN001;
- Đơn xin mua (nhận chuyển nhượng) cổ phần (đối với thể nhân) – CN002;
- Biên nhận hồ sơ chuyển nhượng cổ phần – mẫu CN003;
- Đơn xin mua (nhận chuyển nhượng) cổ phần (đối với tổ chức) CN004;
- Danh sách chuyển nhượng cổ phần – CN005;
- Danh sách xin cấp lại cổ phiếu – CN006;
- Bảng kê khai người có liên quan – Mẫu CN007;
- Văn bản đề nghị được chuyển nhượng cổ phần gửi Ngân hàng Nhà nước – Mẫu CN008;
- Sổ đăng ký cổ đông – Mẫu ĐKCD.

ĐIỀU 9: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

- Quy chế này đã được Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Việt Á thông qua, có hiệu lực sau khi được Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký ban hành.
- Mọi sửa đổi bổ sung các điều khoản trong Quy chế này do Hội đồng quản trị quyết định bằng văn bản.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Phương Hữu Việt